

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC LỰA CHỌN HỌC NGÀNH KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN CỦA SINH VIÊN VIỆT NAM

● NGUYỄN TỐ TÂM
- NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG - ĐỖ THỊ LAN - LÊ THỊ THÙY TRANG

TÓM TẮT:

Bài viết tìm hiểu về các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam. Các nhân tố chủ quan gồm nhân tố tính cách và nhân tố động cơ nghề nghiệp của bản thân sinh viên. Các nhân tố khách quan ảnh hưởng gồm giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông, gia đình, bạn bè, thị trường lao động, trường đại học có đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán. Kết quả nghiên cứu đã chỉ ra động cơ nghề nghiệp và tầm quan trọng của các trường đại học trong đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán có ảnh hưởng đến việc lựa chọn của các sinh viên. Nhân tố tính cách, gia đình, bạn bè và giáo dục hướng nghiệp tại trường trung học phổ thông không ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành Kế toán - Kiểm toán của sinh viên. Từ kết quả trên, một số đề xuất được đưa ra giúp cho các trường đại học có đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán có sự đầu tư thích đáng để thu hút người học ngành này.

Từ khóa: ngành Kế toán - Kiểm toán, sinh viên, động cơ nghề nghiệp.

1. Đặt vấn đề

Định hướng nghề nghiệp cho giới trẻ đã có từ lâu ở nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, nó có hình thái hình thức khác nhau ở mỗi giai đoạn mỗi thời kỳ và mỗi quốc gia. Kế toán - kiểm toán là công cụ quản lý kinh tế quan trọng, liên quan tới việc tạo lập hệ thống thông tin điều hành và ra quyết định trong các tổ chức (Chính phủ, 2022). Phát triển nguồn nhân lực ngành Kế toán - Kiểm toán được quan tâm và gắn với những vấn đề quy

trình số hóa, chuyển đổi số, hội nhập quốc tế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Những đòi hỏi trong đổi mới chương trình đào tạo, phương pháp đào tạo được Chính phủ và nhiều bên quan tâm. Trong năm 2022, ngành Kế toán - Kiểm toán đứng thứ 6 trong các vị trí tuyển dụng của các doanh nghiệp, xếp sau các ngành như kinh doanh, truyền thông, IT,... (TopCV, 2021) và cũng là vị trí còn đang thiếu hụt nhân sự chất lượng cao.

Ngành Kế toán - Kiểm toán dù nguồn cung

cao, nhu cầu tuyển dụng cao nhưng tỷ lệ thất nghiệp cũng cao, đó là một vấn đề mà nhà giáo dục, nhân sự, điều hành quan tâm. Lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam chính là việc giúp thay đổi giảm tỷ lệ thất nghiệp, thiếu hụt nhân sự làm việc. Khi mà bản thân các bạn học sinh, sinh viên không hiểu rõ chính mình và ngành học từ đó đưa ra sự lựa chọn ngành học sẽ dẫn đến tình trạng học thụ động, học để lấy bằng tốt nghiệp mà không nắm được kiến thức kỹ năng để đi làm. Vậy nhân tố nào ảnh hưởng đến quyết định chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán, qua đó thấy được mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến quyết định lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam như thế nào. Đây là cơ sở để giúp cho các bạn học sinh, sinh viên của các trường đại học đưa ra quyết định sáng suốt và phù hợp với bản thân để tối đa hóa khả năng, tinh thần học tập khi lựa chọn học ngành Kế toán - Kiểm toán, cũng như đưa ra các đề xuất giúp cho tình trạng dư thừa nhân lực giảm bớt và chất lượng nguồn nhân lực ngành Kế toán - Kiểm toán được tăng lên trong tương lai.

Bài viết tập trung các nhân tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn học ngành Kế toán - Kiểm toán, từ đó đưa ra một số đề xuất liên quan nhằm thúc đẩy sự lựa chọn đúng đắn cũng như những đầu tư phù hợp của các trường đại học có đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán.

2. Mô hình và giả thuyết nghiên cứu

2.1. Giả thuyết nghiên cứu

Từ nghiên cứu trên, nhóm tác giả đưa ra giả thuyết nghiên cứu sau:

Giả thuyết H1: Nhân tố tính cách có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H2: Nhân tố động cơ nghề nghiệp có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H3: Nhân tố giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học phổ thông có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H4: Nhân tố trường đại học có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H5: Nhân tố gia đình có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H6: Nhân tố bạn bè có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

Giả thuyết H7: Nhân tố nhu cầu thị trường sức lao động có ảnh hưởng tích cực tới việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Dựa vào những nghiên cứu trước, chúng tôi đưa ra mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên Việt Nam.

$$LC = \beta_0 + \beta_1 TC + \beta_2 HN + \beta_3 DH + \beta_4 GD + \beta_5 LD + \beta_6 BB + \beta_7 NN$$

Trong đó các hệ số hồi quy:

$\beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4, \beta_5, \beta_6, \beta_7$.

Biến phụ thuộc LC: Sự lựa chọn của sinh viên.

Biến độc lập: β_0 là một biến độc lập ngẫu nhiên có phân phối chuẩn với trung bình là 0 và phương sai không đổi, TC: Nhân tố tính cách, HN: Nhân tố giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường, DH: Nhân tố trường đại học, GD: Nhân tố gia đình, LD: Nhân tố thị trường sức lao động, BB: Nhân tố bạn bè, NN: Nhân tố động cơ nghề nghiệp.

Biến Sự lựa chọn của sinh viên (LC) được đo bằng 5 biến quan sát và sử dụng thang đo Likert 5 cấp độ. Các biến phụ thuộc gồm: Nhân tố tính cách (TC) được đo lường qua các thang đo đo lường tính cách cá nhân và tổng hợp theo 3 nhóm tính cách bình thản, hăng hái và năng lực; nhân tố giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường; Nhân tố giáo dục hướng nghiệp trong nhà trường (HN) có 4 thang đo, Nhân tố trường đại học (DH) có 7 thang đo, Nhân tố gia đình (GD) có 4 thang đo; Nhân tố thị trường sức lao động (LD) có 3 thang đo, Nhân tố bạn bè (BB) có 3 thang đo và Nhân tố động cơ nghề nghiệp (NN) có 4 thang đo.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Mẫu nghiên cứu

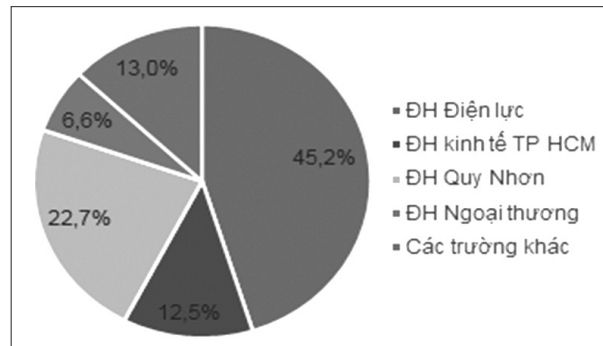
Nghiên cứu sử dụng 361 mẫu. Đối tượng khảo sát là các sinh viên học ngành Kế toán - Kiểm toán từ các trường đại học trên cả nước.

Trong số khảo sát, 71,7 % là sinh viên kế toán và sinh viên học ngành kiểm toán chiếm 28,3%. Số sinh viên tham gia khảo sát phần lớn là năm thứ ba chiếm khoảng 32,4 %; sinh viên năm thứ nhất chiếm 29,9%; sinh viên năm thứ hai chiếm 27,4% và sinh năm thứ tư chiếm 10,2%. (Biểu đồ 1)

3.2. Kết quả chi tiết

Số liệu được phân tích bằng phần mềm SPSS, nhóm tác giả đánh giá độ tin cậy của thang đo, kiểm định giá trị của thang đo và phân tích hồi quy tuyến tính. Hệ số tin cậy Cronbach's Alpha của các thang đo được đánh giá đảm bảo yêu cầu và thực hiện kiểm định giá trị của thang đo bằng phương pháp phân tích nhân tố khám phá (EFA - exploratory factor analysis) và đánh giá sự phù

Biểu đồ 1: Tỷ lệ sinh viên tham gia khảo sát phân theo các trường đại học



hợp của mô hình nghiên cứu qua hệ số KMO. Kiểm định EFA thực hiện lần 1 loại 6 biến gồm: BB01, BB02, LD02, LD03, LD01, BB03; còn 22 biến quan sát và còn lại 5 nhóm nhân tố, nhóm nhân tố Nhân tố thị trường sức lao động (LD), Nhân tố bạn bè (BB) bị loại. Kiểm định EFA lần 2 trên cơ sở 22 biến quan sát của biến phụ thuộc đảm bảo ma trận xoay và hệ số tải. (Bảng 1)

Bảng 1. Kết quả ma trận xoay EFA lần 2

	Component					
	1	2	3	4	5	
DH06	0,811					
DH07	0,770					
DH05	0,746					
DH04	0,716					
DH02	0,677					
DH03	0,640					
DH01	0,496					
NN02		0,890				
NN03		0,887				
NN04		0,848				
NN01		0,837				
HN02			0,849			
HN03			0,837			
HN01			0,779			
HN04			0,753			

	Component					
	1	2	3	4	5	
GD02				0,834		
GD01				0,829		
GD04				0,770		
GD03				0,705		
TCBT					0,870	
TCNL					0,857	
TCHH					0,773	

Trên cơ sở 22 biến quan sát biến phụ thuộc đảm bảo độ tin cậy và hội tụ, kiểm định ANOVA và kiểm định sự phù hợp của mô hình nghiên cứu được cụ thể như Bảng 2.

Với $R^2 = 0.588 > 0.5$ cho thấy mô hình phù hợp. 5 nhân tố đưa vào ảnh hưởng 58.8% sự thay đổi của biến phụ thuộc, còn lại 41.2% là do các biến ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên.

Giá trị Sig của kiểm định F là $0.00 < 0.05$ cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính được xây dựng phù hợp với tổng thể. (Bảng 3)

Theo kết quả Bảng 4, nhân tố động cơ nghề nghiệp và trường đại học có ảnh hưởng ($\text{Sig.} < 0,05$), nhân tố khác không ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học Kế toán - Kiểm toán của sinh viên. Giả thuyết H2, H3 thỏa mãn theo kết quả trên.

4. Kết luận

Từ kết quả nghiên cứu trên cho thấy động cơ

nghề nghiệp của sinh viên có ảnh hưởng lớn nhất đến lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên ngành Kế toán - Kiểm toán. Điều này quan trọng thông qua việc nuôi dưỡng ước mơ nghề nghiệp, có những thông tin đầy đủ từ các nhà nghiên cứu, tổ chức nhân sự trên các phương tiện truyền thông sẽ giúp học sinh có động cơ nghề nghiệp từ sớm. Nhân tố trường đại học có ảnh hưởng thứ hai tới lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên Kế toán - Kiểm toán. Kết quả này cho thấy các trường đại học đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán cần nâng cao công tác truyền thông, quảng bá về hình ảnh của trường đại học, chương trình đào tạo, chất lượng đào tạo và phải có đội ngũ tư vấn và phương thức tuyển sinh hiệu quả. Các kết quả này cũng phù hợp với kết luận từ các nghiên cứu trước (Đặng Thu Hà và Đặng Thảo Hiền (2019), (Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự, 2017), Ng Yen-Hong và nhóm tác giả (2017), Umar, I. (2014)). Tuy nhiên, các nhân tố

Bảng 2. Đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.770a	.593	.588	.5249	1.987

Bảng 3. Kiểm định độ phù hợp của mô hình ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	142.743	5	28.549	103.629	.000b
	Residual	97.799	355	.275		
	Total	240.541	360			

Bảng 4. Kết quả hồi quy bội và hệ số hồi quy riêng phần trong mô hình Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics
		B	Std. Error	Beta			Tolerance
1	(Constant)	.559	.187		2.985	.003	
	TC	.084	.054	.063	1.534	.126	.689
	HN	-.037	.039	-.039	-.942	.347	.685
	DH	.296	.051	.254	5.776	.000	.594
	GD	-.022	.028	-.028	-.801	.424	.915
	NN	.515	.035	.598	14.514	.000	.676

khác không ảnh hưởng có thể được giải thích như việc hướng nghiệp hiện tại của các trường trung học phổ thông chưa hiệu quả cho các bạn học sinh. Nhân tố gia đình định hướng đôi khi không dựa vào đặc điểm tính cách và sở thích của các bạn học sinh. Tuy nhiên, đặc điểm tính cách

không ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành học cho thấy sự tự ra quyết định của mỗi học sinh còn chưa thực sự dựa vào đặc điểm tính cách của bản thân. Mô hình nghiên cứu có thể mở rộng các thang đo về tính cách cá nhân, biến kiểm soát để đánh giá sự lựa chọn ngành học ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bromley H. Kniveton. (2004). *Influences and motivations on which students*. Loughborough University, UK.
2. Chính phủ (2022). *Quyết định số 633/QĐ-TTg ngày 23/5/2022 về chiến lược kế toán - kiểm toán đến năm 2030*.
3. Dana D. Clayton. (2013). *Factors and Influences Contributing to the College Selection Decision of High Achieving High School Seniors*. Western Kentucky University, USA.
4. Đặng Thu Hà & Đặng Thảo Hiền. (2019). *Nghiên cứu đề xuất các yếu tố ảnh hưởng đến sự lựa chọn chuyên ngành kế toán của người học*. Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia nghiên cứu và đào tạo kế toán - kiểm toán: "Cách mạng công nghiệp lần thứ tư: Những vấn đề đặt ra với nội dung và chương trình đào tạo ngành kế toán - kiểm toán", 123-133. Hà Nội: NXB Lao động - Xã hội.
5. Holland, J. L. (1985). *Making vocational choices: A theory of vocational personalities and work environments*. Englewood Cliffs, NJ: Prentice-Hall.
6. Michael Borchert (2002). *Career choice factors of high school students*. University of Wisconsin-Stout, USA.
7. Ng Yen-Hong, Sue-Pei Lai, Zhi-Peng Su, Jing-Yi Yap, Hui-Qi Teoh, Han Lee. (2017). Factors influencing accounting students career paths. *Journal of Management Development*, 36(3), 319-329.
8. Nguyễn Thị Bích Vân và cộng sự (2017). Những nhân tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn ngành Kế toán ở Việt Nam. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, 240, 72-82.
9. Nguyễn Minh Hà và cộng sự (2011). Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến việc sinh viên chọn Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Mở TP. Hồ Chí Minh*, 6(2), 107-117.
10. TopCV (2021). *Báo cáo thị trường tuyển dụng năm 2021 và xu hướng tuyển dụng năm 2022*. Công ty CP TopCV Việt Nam.
11. Umar, I. (2014), Factors influencing students career choice in accounting: The case of Yobe State University. *Research Journal of Finance and Accounting*, 5(17), 59-62.

Ngày nhận bài: 4/4/2022

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/5/2022

Ngày chấp nhận đăng bài: 13/5/2022

Thông tin tác giả:

1. TS. NGUYỄN TỔ TÂM, CPA, ACCA

Giảng viên, Khoa Kinh tế và Quản lý, Trường Đại học Điện lực

2. Sinh viên NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

3. Sinh viên ĐỖ THỊ LAN

4. Sinh viên LÊ THỊ THÙY TRANG

Lớp D13KTDN2, Trường Đại học Điện lực

FACTORS INFLUENCING THE DECISION OF VIETNAMESE STUDENTS TO CHOOSE A CAREER IN THE ACCOUNTING AND AUDITING FIELD

● Ph.D NGUYEN TO TAM¹

● NGUYEN THI HONG NHUNG²

● DO THI LAN²

● LE THI THUY TRANG²

¹Lecturer, Faculty of Economics and Management
Electric Power University

²Student, D13KTDN2 Class, Electric Power University

ABSTRACT:

This study explores the factors influencing the decision of Vietnamese students to choose a career in the accounting and auditing field. Subjective factors are personal characteristics and career motivation. Objective factors are vocational education in high schools, family, friends, labor market, and universities that have accounting and auditing programs. The study finds out that the career motivation and the importance of universities that provide accounting and auditing programs affect the decision of Vietnamese students. Meanwhile, the factors of personal characteristics, family, friends, and labor market do not affect the career choice of students. Based on these results, some recommendations are made to help Vietnamese universities that provide accounting and auditing programs make significant investment to attract potential students.

Keywords: accounting field, audit, student, career motivation.